

KẾ HOẠCH TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC NĂM 2021

Tên đơn vị báo cáo: TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI

TT	Trình độ, chuyên ngành, hình thức đào tạo	Tổng quy mô 31/12/2020	Dự kiến số tốt nghiệp 2021	Chỉ tiêu	Ngày thi/ xét tuyển	Địa điểm đào tạo
I	Tiến sỹ				2 Đợt: 6-9/2021 và 10-2/2021	ĐHYHN
1	Khoa học y sinh	33	4	28		
2	Gây mê hồi sức	9	1	5		
3	Hồi sức cấp cứu và chống độc	6	1	4		
4	Ngoại khoa	63	18	17		
5	Sản phụ khoa	21	4	5		
6	Nhi khoa	14	6	5		
7	Nội khoa	83	17	37		
8	Ung thư	42	10	9		
9	Bệnh truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới	4	1	6		
10	Điện quang và y học hạt nhân	15	2	8		
11	Dịch tễ học	1	0	3		
12	Dược lý và độc chất	2	2	2		
13	Tai - Mũi - Họng	8	3	5		
14	Mắt (Nhãn khoa)	16	2	3		
15	Dinh dưỡng	4	0	5		
16	Răng - Hàm - Mặt	25	7	5		
17	Y tế công cộng	33	6	10		
18	Quản lý Y tế	1	0	3		
19	Y học cổ truyền	3	1	2		
	Tổng cộng	383	85	162		
II	Thạc sỹ				14-16/10/2021	ĐHYHN
1	Khoa học y sinh	119	57	108		
2	Gây mê hồi sức	44	23	26		
3	Hồi sức cấp cứu và chống độc	62	21	34		
4	Ngoại khoa	253	121	152		
5	Sản phụ khoa	88	44	50		
6	Nhi khoa	59	39	55		
7	Nội khoa	502	224	251		
8	Ung thư	116	55	60		
9	Bệnh truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới	45	26	31		
10	Điện quang và y học hạt nhân	112	44	55		
11	Dịch tễ học	4	0	15		
12	Dược lý và độc chất	6	3	4		

TT	Trình độ, chuyên ngành, hình thức đào tạo	Tổng quy mô 31/12/2020	Dự kiến số tốt nghiệp 2021	Chỉ tiêu	Ngày thi/ xét tuyển	Địa điểm đào tạo
13	Tai - Mũi - Họng	55	27	35		
14	Mắt (Nhãn khoa)	45	18	20		
15	Y học dự phòng	40	33	40		
16	Điều dưỡng	84	43	27		
17	Dinh dưỡng	71	25	48		
18	Răng - Hàm - Mặt	73	38	45		
19	Kỹ thuật xét nghiệm y học	56	28	32		
20	Y tế công cộng	45	24	41		
21	Quản lý bệnh viện	18	10	19		
22	Y học gia đình	16	9	20		
23	Y học cổ truyền	49	23	35		
	Tổng	1962	935	1203		
III. Chuyên khoa cấp II					15- 16/10/2021	Trường ĐHYHN và cơ sở thực hành
1	Chẩn đoán hình ảnh	15		10		
2	Da liễu	23	5	10		
3	Dị ứng - MDLS	2		4		
4	Gây mê hồi sức	16		8		
5	Giải phẫu bệnh	12	4	3		
6	Hóa sinh y học	6	8	6		
7	Hồi sức cấp cứu	16	12	23		
8	Huyết học và truyền máu	16		8		
9	Ký sinh trùng			1		
10	Lao và bệnh phổi	2		6		
11	Ngoại khoa	135	66	90		
12	Nhãn khoa	14	7	13		
13	Nhi khoa	49	14	20		
14	Nội khoa	39				
15	Lão khoa	14	9	10		
16	Nội - Hô hấp	7	10	4		
17	Nội - Thận Tiết niệu	6	3	4		
18	Nội - Nội tiết	6	3	4		
19	Nội - Tiêu hóa	13	2	6		
20	Nội-xương khớp	15	6	6		
21	Nội-Tim mạch	35	18	20		
22	Phục hồi chức năng	9	4	4		
23	Răng - Hàm - Mặt	14	10	20		
24	Sản Phụ khoa	62	40	30		
25	Tai - Mũi - Họng	17	5	12		
26	Tâm thần	20	12	16		
27	Thần kinh	9	2	23		
28	Truyền nhiễm & CBNĐ	12	3	6		
29	Ung thư	48	23	16		
30	Vì sinh y học	4	1	2		
31	Y học cổ truyền	16	11	6		
32	Y học hạt nhân	1		3		

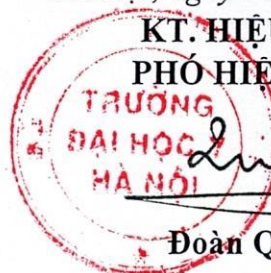
TT	Trình độ, chuyên ngành, hình thức đào tạo	Tổng quy mô 31/12/2020	Dự kiến số tốt nghiệp 2021	Chỉ tiêu	Ngày thi/ xét tuyển	Địa điểm đào tạo
33	Y pháp	1		2		
34	Quản lý y tế	48	19	70		
35	Y tế công cộng	0		35		
	Tổng cộng	702	297	501		
IV.	Chuyên khoa cấp I					
1	Chẩn đoán hình ảnh	62	5	70	13/10/2021	Trường ĐHYHN và cơ sở thực hành
2	Da liễu	50	18	76		
3	Dị ứng - MDLS			4		
4	Gây mê hồi sức	74	44	40		
5	Giải phẫu bệnh	22	16	16		
6	Hoá sinh Y học	12	5	10		
7	Hồi sức cấp cứu	88	21	52		
8	Huyết học - Truyền máu	23	14	15		
9	Ký sinh trùng			2		
10	KTYH chuyên ngành-XN	42	12	40		
11	Lao	9	3	10		
12	Ngoại khoa	150	70	130		
13	Nhãn khoa	64	24	64		
14	Nhi khoa	142	117	60		
15	Nội khoa	260	125	80		
16	Nội Tim mạch	19		30		
17	Phẫu thuật tạo hình	2		5		
18	Phục hồi chức năng	52	13	19		
19	Răng Hàm Mặt	50	22	35		
20	Sản phụ khoa	164	94	130		
21	Tai Mũi Họng	64	34	30		
22	Tâm thần	10	6	36		
23	Thần kinh	18	7	15		
24	Truyền nhiễm	100	21	40		
25	Ung thư	44	18	32		
26	Vi sinh	5	4	5		
27	Y học cổ truyền	127	36	104		
28	Y học gia đình	9	1	30		
29	Y học hạt nhân	2	1	5		
30	Y pháp	0		5		
31	Dinh dưỡng	0		35		
32	Dịch tễ học			35		
33	Y học dự phòng	3	1	35		
34	Y tế công cộng	27		35		
	Tổng	1694	732	1330		
V	Bác sĩ nội trú					
1	Chẩn đoán hình ảnh	104	44	30		
2	Da liễu	20	5	5		
3	Dị ứng - MDLS	12	3	4		
4	Dược lý và độc chất	3	1	2		

TT	Trình độ, chuyên ngành, hình thức đào tạo	Tổng quy mô 31/12/2020	Dự kiến số tốt nghiệp 2021	Chỉ tiêu	Ngày thi/ xét tuyển	Địa điểm đào tạo
5	Gây mê hồi sức	28	11	10	14- 15/10/2021	Trường ĐHYHN và cơ sở thực hành
6	Giải phẫu bệnh	22	2	8		
7	Giải phẫu người	7	12	0		
8	Hoá sinh y học	17	9	8		
9	Hồi sức cấp cứu	30	9	14		
10	HH-TM	27	12	6		
11	Ký sinh trùng	2		3		
12	Lao	23	4	8		
13	Mô phôi thai học	6	2	3		
14	Ngoại khoa	156	46	60		
15	Nhãn khoa	22	4	5		
16	Nhi khoa	53	25	15		
17	Nội khoa	181	69	52		
18	Lão khoa	3		3		
19	Nội Tim mạch	64	23	20		
20	Phẫu thuật tạo hình	18	6	8		
21	Phục hồi chức năng	28	8	10		
22	Răng - Hàm - Mặt	18	4	10		
23	Sản phụ khoa	36	13	10		
24	Sinh lý bệnh-Miễn dịch	3	1	3		
25	Sinh lý học	3	1	3		
26	Tai - Mũi - Họng	30	9	10		
27	Tâm thần	37	10	10		
28	Thần kinh	45	16	8		
29	Truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới	31	11	8		
30	Ung thư	71	26	25		
31	Vi sinh y học	13	3	5		
32	Y học cổ truyền	27	11	10		
33	Y học gia đình	17	3	10		
34	Y học hạt nhân	0		0		
35	Y pháp	2		2		
36	Y sinh học di truyền	30	10	12		
37	Dinh dưỡng	15	3	7		
38	Y học dự phòng	8	2	5		
	Tổng số	1212	418	412		

Người lập bảng
 Họ tên: Trần Thị Bích Hòa
 Email: tbichhhoa@hmu.edu.vn
 Điện thoại: 0988278848
 Chữ ký:

Hà Nội, ngày 10 tháng 9 năm 2021

KT. HIỆU TRƯỞNG
 PHÓ HIỆU TRƯỞNG


 Đoàn Quốc Hưng